TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2019
V/v: Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huấn.

2. Các Hội thẩm nhân dân:

2.1. Ông Lê Quang Thế;

2.2. Ông Nguyễn Đức Tuân.

II. Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên: Bà Đặng Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 06/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2019 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 51/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh năm 1983, *có mặt tại phiên tòa*.

HKTT, trú tại: Thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1985, *có mặt tại phiên tòa*.

Quê quán, hiện trú tại: Thôn Y, xã A, huyện S, tỉnh Hưng Yên; Đăng ký HKTT: Thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 27/8/2007, *vắng mặt tại phiên tòa*;

3.2. Cháu Hoàng Tuấn Anh B, sinh ngày 01/10/2009, *vắng mặt tại phiên tòa*.

Người giám hộ cho cháu M và cháu B là anh Hoàng Văn K và chị Phan Thị T (bố, mẹ đẻ của các cháu).

Đều đăng ký HKTT: Thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Hưng Yên.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1963, *vắng mặt tại phiên tòa*;

Trú tại: Thôn Y, xã A, huyện S, tỉnh Hưng Yên.

4.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1956, *vắng mặt tại phiên tòa*.

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện S, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-6-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hoàng Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị T, sinh năm 1985 người quê ở thôn Y, xã A, huyện S, tỉnh Hưng Yên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, hai bên có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã H, huyện S, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/11/2006 (số: 85). Sau khi kết hôn chị T chuyển về chung sống cùng anh, đồng thời chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về địa phương xã H cho đến nay. Thời gian đầu hai bên về chung sống hòa thuận, hạnh phúc bình thường nhưng đến năm 2009 hai bên bắt đầu nẩy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và diễn ra trong thời gian dài trong suốt thời gian đó đến nay, thời gian gần đây hai bên căng thẳng, trầm trọng nên chị T chuyển về nhà ngoại sinh sống và hiện hai bên sống ly thân nhau. Khi vợ chồng bất đồng, mâu thuẫn hai bên gia đình cũng khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Trước đây khoảng 05 năm anh đã từng làm đơn xin giải quyết ly hôn với chị T nhưng vì thương con cái nên anh không nộp đơn đến Tòa án. Tuy nhiên đến nay sau khi suy xét kỹ lưỡng anh xác định hai bên không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên anh quyết định làm đơn xin giải quyết ly hôn với chị T. Đồng thời anh đề nghị Tòa án sớm giải quyết để hai bên ổn định cuộc sống, tránh ảnh hưởng đến công việc.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Trong đó anh K và chị T đều có mặt đầy đủ. Lời khai, quan điểm của chị T cho biết như sau: Về điều kiện kết hôn thống nhất như anh K đã trình bầy. Sau khi kết hôn chị chuyển về chung sống cùng anh K và chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú nhập về địa phương xã H cho đến nay. Thời gian đầu hai bên về chung sống hòa thuận, hạnh phúc bình thường nhưng khoảng 02 năm trở lại đây hai bên bắt đầu nẩy sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thời gian gần đây hai bên căng thẳng, trầm trọng nên chị chuyển về nhà ngoại sinh sống và hiện hai bên sống ly thân nhau, mặc dù hai bên gia đình cũng khuyên bảo, động viên nhiều. Đến nay anh K làm đơn gửi tới các cơ quan có thẩm quyền để xin giải quyết ly hôn với chị, quan điểm của chị mong anh K suy xét lại vì con cái.

Qua 05 buổi hòa giải giữa hai bên (vào các ngày 19/6/2019, ngày 01/7/2019, ngày 11/7/2019, ngày 01/8/2019 và ngày 07/8/2019), quan điểm của anh K vẫn cương quyết xin giải quyết ly hôn, còn quan điểm của chị T vẫn xin được đoàn tụ. Ngoài ra hai bên đều cho biết trong khoảng thời gian làm thủ tục giải quyết ly hôn đã được nhiều người thân, bạn bè tích cực động viên, khuyên bảo để hai bên níu kéo về chung sống, cùng chung tay nuôi dạy con cái.

Về nuôi con chung: Anh K và chị T đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 27/8/2007 và cháu nhỏ là Hoàng Tuấn Anh B, sinh ngày 01/10/2009. Trong đó tại phiên hòa giải gần nhất hai bên cho biết hiện

cháu M đang ở cùng anh K, còn cháu B đang ở cùng chị T. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác.

Quan điểm của anh K và chị T đều xác định nếu ly hôn giao cháu M cho anh K và giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên xác định ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Nguyện vọng của cháu M và cháu B cũng thống nhất như ý kiến của anh K và chị T. Ngoài ra cả hai cháu đều xác định không có ý kiến gì khác nên các cháu có đơn đề nghị xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án quan điểm của anh K và chị T đều xác định không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã H và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng những người chứng cho thấy: Thống nhất như lời khai của anh K và chị T.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu về quan hệ hôn nhân và các quan hệ liên quan khác như đã khai tại Tòa án trước đây, đồng thời không có ý kiến gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 - BLTTDS năm 2015; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho anh Hoàng Văn K được ly hôn với chị Phan Thị T.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Hoàng Tuấn Anh B cho chị T và giao cháu Hoàng Thị Trà M cho anh K để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 06/9/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh K và chị T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị T và anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh K và chị T đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Hoàng Văn K và chị Phan Thị T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, gia đình, người thân đã động viên, khuyên bảo nhiều nhưng không cải thiện được. Đến nay hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, phù hợp với lời khai của anh K, chị T, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, cùng các tài liệu các bên cung cấp và Tòa án xác minh, thu thập. Đến nay quan điểm của anh K xác định hai bên không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên anh cương quyết xin giải quyết ly hôn với chị T. Quan điểm, nguyện vọng của chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ do vậy chị không nhất trí ly hôn nhưng chị cũng không còn biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ hôn nhân. Do đó, cần xử cho anh K được ly hôn với chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh K và chị T đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 27/8/2007 và cháu nhỏ là Hoàng Tuấn Anh B, sinh ngày 01/10/2009. Hiện cháu M đang ở cùng anh K, còn cháu B đang ở cùng chị T. Quan điểm của anh K, chị T, cũng như nguyện vọng của cháu M và cháu B đều thống nhất xác định nếu vợ chồng ly hôn giao cháu M cho anh K và giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên xác định ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết. Xét thấy nguyện vọng của anh K, chị T và hai con chung đều là chính đáng, vì vậy cần xử giao cháu Hoàng Tuấn Anh B cho chị T và giao cháu Hoàng Thị Trà M cho anh K để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 06/9/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh K và chị T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị T và anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh K và chị T đều không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Sau nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Về án phí: Anh K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 – BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn K được ly hôn với chị Phan Thị T.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Hoàng Tuấn Anh B, sinh ngày 01/10/2009 cho chị T và giao cháu Hoàng Thị Trà M, sinh ngày 27/8/2007 cho anh K để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 06/9/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị T và anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu các bên có tranh chấp sẽ khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Anh K phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh K đã nộp theo Biên lai thu số 0001245 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi Hành án dân sự huyện S.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn, đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) được quyền kháng cáo bản án và nội dung bản án có liên quan đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Huấn